

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/HS-ST.

Ngày: 06/8/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc Dương;

Ông Võ Văn Lợi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh gia phiên tòa:* Ông Phạm Quốc Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai dưới hình thức trực tiếp Vụ án hình sự thụ lý số: 380/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2025/QĐXXST-HS ngày 13/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HS ngày 18/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HS ngày 22/7/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Duy C**, sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký HKTT: 718/2/20 Quốc lộ A, Khu phố A, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 718/2/20 Quốc lộ A, Khu phố A, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không. Cha tên Trần Từ N (sinh năm 1952), Mẹ tên Đinh Thị T (sinh năm 1956). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/01/2025 tại Trại giam C1 - Phân trại tạm giam khu vực thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bào chữa:* Ông **Mai Công M**, sinh năm 1974. Là Luật sư của Công ty L, Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ trụ sở: 127E (tầng trệt) đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/10/2024, Công an phường L, thành phố T mời làm việc đối với Lương Văn K là người sử dụng trái phép chất ma túy trong diện Công an phường lập hồ sơ quản lý, sau đó tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể K, phát hiện K dương tính với ma túy. Tại Công an phường L, K khai nguồn gốc ma túy K sử dụng là mua của Trần Duy C, lần gần nhất K mua của C là vào ngày 28/9/2024, K đã sử dụng một mình hết.

Từ lời khai của K, lúc 15 giờ 00 ngày 01/10/2024, Công an L tiến hành kiểm tra, phát hiện Trần Duy C tại Cơ sở điều trị M thành phố T nên đưa về trụ sở Công an phường làm việc cùng xe mô tô biển số 59M2-422.57 của C để ở khu vực đối diện Cơ sở điều trị Methadone. Khi tiến hành kiểm tra, xem xét dấu vết trên thân thể Cung tại phòng làm việc của Tổ Cảnh sát phòng chống tội phạm - Công an phường L, C dùng tay phải lấy từ trong quần lót mặc trên người ra 02 gói nylon nhét vào gầm tủ sắt trong phòng làm việc và bị phát hiện nhưng C không thừa nhận.

Công an phường L phối hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy, Đ - C thành phố T khám nghiệm hiện trường và thu giữ dưới gầm tủ sắt gồm: 01 gói nylon đựng: 05 gói giấy bạc chứa bột màu trắng, 04 gói nylon chứa tinh thể không màu, 02 gói giấy chứa bột màu trắng; 01 gói nylon đựng: 01 gói nylon chứa 01 gói giấy chứa bột màu trắng, 07 gói nylon chứa tinh thể, 11 gói giấy chứa bột màu trắng. Ngoài ra còn tạm giữ của C 01 xe mô tô biển số 59M2-422.57; 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 cân điện tử và 01 kéo bằng kim loại (kiểm tra xe thu giữ trong cốp xe).

Tại Kết luận giám định số 11822/KL-KTHS ngày 14/10/2024 của Phòng K1 - Công an Thành phố H, kết luận:

- 01 gói nylon đựng: 05 gói giấy bạc chứa bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2173 gam, loại Heroin; 04 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1937 gam, loại Methamphetamine; 02 gói giấy chứa bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1013 gam loại Heroin.

- 01 gói nylon đựng: 01 gói nylon chứa 01 gói giấy chứa bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0997 gam, loại Heroin; 07 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5042 gam loại Methamphetamine; 11 gói giấy chứa bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5438 gam loại Heroin.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ tại Công an phường L là 0,9621 gam loại Heroin và 0,6979 gam loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 6417/KL-KTHS ngày 02/12/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C2: Trên các mẫu vật gửi giám định (01

gói nylon đựng 02 gói nylon, 02 gói giấy bạc; 01 gói nylon đựng 02 gói nylon, 02 gói giấy là các gói chứa ma túy thu giữ được). Trên các mẫu vật gửi giám định phát hiện có ADN người. Phân tích được một kiểu gen nam giới, trùng với ADN của Trần Duy C.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H), Trần Duy C không thừa nhận số ma túy thu giữ là của mình, không thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ thừa nhận có sử dụng ma túy, mua của một đối tượng không rõ lai lịch trên đường B. Tuy nhiên, sau khi kết thúc điều tra, đề nghị truy tố, ngày 22/5/2025, Trần Duy C thừa nhận hành vi của mình, C không nhớ đã bán cho Lương Văn K vào thời gian nào, bao nhiêu lần.

Vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án: 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu S, số điện thoại 0919097687; 01 xe mô tô biển số 59M2-422.57; 01 cân điện tử; 01 gói niêm phong ghi mã vụ 3665/24 T, các chữ ký ghi tên Thiếu tá Trần Đình H, Nguyễn Thị Phương M1; 01 kéo bằng kim loại; 01 gói nylon đựng 02 gói nylon, 02 gói giấy; 01 gói nylon đựng 02 gói nylon, 02 gói giấy bạc; 01 gói nylon đựng 01 gói giấy; 11 gói giấy; 03 gói giấy bạc; 07 gói nylon.

Tại Cáo trạng số: 367/CT-VKSTPTĐ ngày 02/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – TP . Hồ Chí Minh) đã truy tố Trần Duy C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Duy C khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng, thừa nhận mình có tội như nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, vẫn giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Duy C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo C phạm tội không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; ngoài ra bị cáo C chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, do đó cần thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì những lẽ trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Duy C từ 02 (hai) năm

06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù; phạt bổ sung hình phạt tiền, buộc bị cáo nộp số tiền 30.000.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước; đề nghị tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển số 59M2-422.57; tịch thu tiêu hủy đối với: 01 cân điện tử; 01 gói niêm phong ghi mã vụ 3665/24 T, các chữ ký ghi tên Thiếu tá Trần Đình H, Nguyễn Thị Phương M1; 01 kéo bằng kim loại; 01 gói nylon đựng 02 gói nylon, 02 gói giấy; 01 gói nylon đựng 02 gói nylon, 02 gói giấy bạc; 01 gói nylon đựng 01 gói giấy; 11 gói giấy; 03 gói giấy bạc; 07 gói nylon. Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Về phần tội danh, Luật sư thống nhất với kết luận điều tra của Cơ quan điều tra, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát cũng như thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ theo như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, bên cạnh đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về tình tiết bị cáo là người có nhân thân tốt, ngoài lần vi phạm này bị cáo không có hành vi vi phạm nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo hiện đang chữa bệnh HIV cùng một số bệnh lý kèm theo khác nên phần nào ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như nhận thức của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình*” theo điểm q khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặt khác, bị cáo là con duy nhất đang sống chung và chăm sóc cha mẹ già, có bác ruột là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng huân chương, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc cho bị cáo mức án nhẹ nhất, khoan hồng nhất theo quy định pháp luật.

- Bị cáo C không có ý kiến tranh luận đối với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận mình có tội, thống nhất với hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố, thống nhất với lời bào chữa của Luật sư.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng để bị cáo sớm có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở về với gia đình, chăm sóc cha mẹ già, phấn đấu trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trên cơ sở lời khai nhận tội của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 10/10/2024, tại Cơ sở điều trị M2 (số B đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), Công an phường phát hiện bị cáo Trần Duy C có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng là 1,660 gam trong đó có 0,9621 gam Heroín và 0,6979 gam Methamphetamine với mục đích để mua bán.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Điều 251 “Tội mua bán trái phép chất ma túy” BLHS quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh một số tội phạm khác. Do đó, để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, xét xử và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo C thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải về hành vi phạm tội của mình, do đó cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân bị cáo đang điều trị bệnh HIV thường xuyên tại Cơ sở điều trị Methadone đồng thời bị cáo là con duy nhất đang sống và chăm sóc cha mẹ già, do đó cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo cũng như mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 cân điện tử; 01 gói niêm phong ghi mã vụ 3665/24 T, các chữ ký ghi tên Thiếu tá Trần Đình H, Nguyễn Thị Phương M1; 01 kéo bằng kim loại; 01 gói nylon đựng 02 gói nylon, 02 gói giấy; 01 gói nylon đựng 02 gói nylon, 02 gói giấy bạc; 01 gói nylon đựng 01 gói giấy; 11 gói giấy; 03 gói giấy bạc; 07 gói nylon. Xét đây là chất ma túy do nhà nước cấm lưu hành, cũng như các dụng cụ liên quan đến việc mua bán ma túy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Samsung, số điện thoại 0919097687; 01 xe mô tô biển số 59M2-422.57 thu của bị cáo Trần Duy C. Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có dùng điện thoại trên để liên hệ với K, cũng như tại thời điểm khám xét, trong cốp xe mô tô nêu trên của bị cáo chứa các dụng cụ nhằm mục đích thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy như cân điện tử, kéo do đó các tài sản trên được xem là phương tiện, dụng cụ phục vụ cho bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251 BLHS quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Theo lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa, trước khi bị bắt bị cáo đang phụ giúp gia đình bán hàng online và đó cũng là công việc mang lại thu nhập chính cho bị cáo, điều đó thể hiện bị cáo là người có thu nhập; do đó để bảo đảm tính răn đe và thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có cơ sở. Tuy nhiên, xét thấy nguồn

thu nhập của bị cáo như nêu trên là tiền làm công ăn lương, số tiền thu nhập không nhiều, không ổn định, mặt khác bị cáo đang sống chung và chăm lo cho cha mẹ đều đã lớn tuổi, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Xét ý kiến tranh luận và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo:

- Đối với nội dung đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù đây là lần đầu bị cáo phạm tội nhưng tội danh mà bị cáo phạm tội là tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp nghiêm trọng, do đó bị cáo không đủ điều kiện được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Đối với nội dung đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình*” theo điểm q khoản 1 Điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện, bị cáo hiện là đối tượng bị nhiễm HIV đang điều trị tại cơ sở điều trị Methadone, bị cáo vẫn sinh hoạt và phụ giúp gia đình trong việc kinh doanh online, điều đó thể hiện bị cáo hoàn toàn không bị hạn về khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi; mặt khác, Luật sư bào chữa cho rằng, ngoài việc điều trị Methadone bị cáo còn có một số bệnh lý khác dẫn đến bị hạn chế nhận thức nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời đề nghị trên của Luật sư bào chữa.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về vấn đề khác:

- Đối với Lương Văn K là người mua ma túy của Trần Duy C để sử dụng, Công an thành phố T (nay là Công an Thành phố H) đã thực hiện thủ tục xử lý hành chính đưa đi cai nghiện theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người đàn ông bán ma túy cho Trần Duy C, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa xem xét xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có kết quả thì xử lý theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên bố bị cáo Trần Duy C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Trần Duy C** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2025.

Xử phạt bổ sung hình phạt tiền. Buộc bị cáo nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền: 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với: 01 gói niêm phong có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra là ma túy còn lại sau giám định; 01 cân điện tử; 01 kéo bằng kim loại.

- Tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số điện thoại 0919097687; 01 xe mô tô biển số 59M2-422.57.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 297/QĐ-VKSNDTPTĐ ngày 02/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Phiếu Nhập kho số NK25/392C ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 1430/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc bị cáo Trần Duy C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo Trần Duy C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP.HCM;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-K.Anh) 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Danh Đới